

## ***Lời giới thiệu***

*Nhằm góp phần tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu về tìm hiểu pháp luật của các tầng lớp Nhân dân, Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu tổ chức biên soạn cuốn sách “**Tìm hiểu Luật công chứng, Luật hôn nhân và gia đình**”.*

*Xin trân trọng giới thiệu và mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.*

***Ban Biên tập***

## **LUẬT CÔNG CHỨNG NĂM 2014**

***1. Luật Công chứng năm 2014 được Quốc hội thông qua ngày, tháng, năm nào?***

***Trả lời:***

Luật Công chứng năm 2014 (gọi tắt là Luật Công chứng) được thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2014, tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIII. Luật Công chứng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015.

***2. Thế nào là Công chứng, Công chứng viên, Văn bản công chứng, tổ chức hành nghề công chứng ?***

***Trả lời:***

*Công chứng* là việc công chứng viên của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản (sau đây gọi là hợp đồng, giao dịch), tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi là bản dịch) mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng.

*Công chứng viên* là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật Công chứng và được Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm để hành nghề công chứng.

*Văn bản công chứng* là hợp đồng, giao dịch, bản dịch đã được công chứng viên chứng nhận theo quy định của Luật Công chứng.

*Tổ chức hành nghề công chứng* bao gồm Phòng công chứng và Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

### ***3. Xin hỏi, Luật Công chứng quy định về nguyên tắc hành nghề công chứng như thế nào?***

#### ***Trả lời:***

Khi hành nghề công chứng phải tuân thủ 4 nguyên tắc sau:

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.
- Khách quan, trung thực.
- Tuân theo quy tắc đạo đức hành nghề công chứng.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và người yêu cầu công chứng về văn bản công chứng.

### ***4. Xin hỏi Văn bản công chứng có giá trị pháp lý như thế nào?***

#### ***Trả lời***

Giá trị pháp lý của văn bản công chứng được quy định như sau:

- Văn bản công chứng có hiệu lực kể từ ngày được công chứng viên ký và đóng dấu của tổ chức hành nghề công chứng.

- Hợp đồng, giao dịch được công chứng có hiệu lực thi hành đối với các bên liên quan; trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ của mình thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp các bên tham gia hợp đồng, giao dịch có thỏa thuận khác.

- Hợp đồng, giao dịch được công chứng có giá trị chứng cứ; những tình tiết, sự kiện trong hợp đồng, giao dịch được công chứng không phải chứng minh, trừ trường hợp bị Tòa án tuyên bố là vô hiệu.

- Bản dịch được công chứng có giá trị sử dụng như giấy tờ, văn bản được dịch.

### ***5. Đề nghị cho biết Luật Công chứng quy định các hành vi bị nghiêm cấm đối với cá nhân, tổ chức khi đến yêu cầu công chứng như thế nào?***

#### ***Trả lời:***

Luật Công chứng năm 2014 cấm cá nhân, tổ chức có các hành vi sau:

- Giả mạo người yêu cầu công chứng;
- Người yêu cầu công chứng cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ, văn bản giả mạo hoặc bị tẩy xóa, sửa chữa trái pháp luật để yêu cầu công chứng;

- Người làm chứng, người phiên dịch có hành vi gian dối, không trung thực;

- Cản trở hoạt động công chứng.

**6. Tôi vừa tốt nghiệp cử nhân Luật và đang làm hồ sơ xin vào làm việc tại Văn Phòng công chứng, cho tôi hỏi để được bổ nhiệm làm Công chứng viên cần phải có những điều kiện gì?**

**Trả lời:**

Công dân Việt nam trường trú tại Việt Nam tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và có đủ các tiêu chuẩn sau thì được xem xét bổ nhiệm làm công chứng viên:

- Có bằng cử nhân luật;

- Có thời gian công tác pháp luật từ 05 năm trở lên tại các cơ quan, tổ chức sau khi đã có bằng cử nhân luật;

- Tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng hoặc hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng;

- Đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng;

- Bảo đảm sức khỏe để hành nghề công chứng;

**7. Xin hỏi quy định về đào tạo nghề công chứng theo Luật Công chứng năm 2014 như thế nào?**

**Trả lời:** Đào tạo nghề công chứng được quy định như sau:

- Người có bằng cử nhân luật được tham dự khóa đào tạo nghề công chứng tại cơ sở đào tạo nghề công chứng.

- Thời gian đào tạo nghề công chứng là 12 tháng.

Người hoàn thành chương trình đào tạo nghề công chứng được cơ sở đào tạo nghề công chứng cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng.

- Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết về cơ sở đào tạo nghề công chứng, chương trình khung đào tạo nghề công chứng và việc công nhận tương đương đối với những người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài.

**8. Bạn tôi có thời gian là 06 năm làm thẩm phán ở Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Hiện bạn tôi muốn chuyển sang hành nghề công chứng nên đề nghị bổ nhiệm công chứng viên. Tôi muốn biết, theo quy định của Luật công chứng, Bạn tôi có được miễn đào tạo nghề công chứng không? Luật công chứng quy định những trường hợp nào được miễn đào tạo nghề công chứng?**

**Trả lời:**

Người được miễn đào tạo nghề công chứng bao gồm:

- Người đã có thời gian làm thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên từ 05 năm trở lên;

- Luật sư đã hành nghề từ 05 năm trở lên;

- Giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật, tiến sĩ luật;

- Người đã là thẩm tra viên cao cấp ngành tòa án, kiểm tra viên cao cấp ngành kiểm sát; chuyên viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật.

Người được miễn đào tạo nghề công chứng phải tham gia khóa bồi dưỡng kỹ năng hành nghề công chứng và quy tắc đạo đức hành nghề công chứng tại cơ sở đào tạo nghề công chứng trước khi đề nghị bổ nhiệm công chứng viên. Thời gian bồi dưỡng nghề công chứng là 03 tháng.

Đối chiếu quy định trên, bạn của anh (chị) được miễn đào tạo nghề công chứng nhưng bạn của anh (chị) phải tham gia khóa bồi dưỡng kỹ năng hành nghề công chứng và quy tắc đạo đức hành nghề công chứng tại cơ sở đào tạo nghề công chứng trước khi đề nghị bổ nhiệm công chứng viên. Thời gian bồi dưỡng nghề công chứng là 03 tháng.

**9. Xin hỏi những trường hợp nào không được bổ nhiệm công chứng viên?**

**Trả lời:**

Luật Công chứng quy định những trường hợp sau không được bổ nhiệm công chứng viên:

- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về

tội phạm do vô ý mà chưa được xóa án tích hoặc về tội phạm do cố ý.

- Người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

- Cán bộ bị kỷ luật bằng hình thức bãi nhiệm, công chức, viên chức bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc hoặc sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, sỹ quan, hạ sỹ quan, công nhân, viên chức trong đơn vị thuộc Công an nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu quân nhân, danh hiệu Công an nhân dân hoặc đưa ra khỏi ngành.

- Người bị thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư do bị xử lý kỷ luật bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách của Đoàn luật sư, người bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề luật sư mà chưa hết thời hạn 03 năm kể từ ngày quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư có hiệu lực hoặc kể từ ngày chấp hành xong quyết định tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề luật sư.

**10. Đề nghị cho biết những trường hợp nào Công chứng viên sẽ bị tạm đình chỉ hành nghề?**

**Trả lời:**

Sở Tư pháp nơi Công chứng viên đăng ký hành nghề quyết định tạm đình chỉ hành nghề của Công chứng viên trong các trường hợp sau đây:

- Công chứng viên đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Công chứng viên đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

### **11. Đề nghị cho biết quy định về miễn nhiệm Công chứng viên như thế nào?**

**Trả lời:** Việc miễn nhiệm Công chứng viên được quy định như sau:

a) Công chứng viên được miễn nhiệm theo nguyện vọng của cá nhân hoặc chuyển làm công việc khác.

Công chứng viên nộp đơn đề nghị miễn nhiệm tại Sở Tư pháp ở nơi mình đăng ký hành nghề. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị miễn nhiệm của Công chứng viên, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị kèm theo đơn đề nghị miễn nhiệm của Công chứng viên gửi Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

b) Công chứng viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

Không còn đủ tiêu chuẩn Công chứng viên theo quy định tại Điều 8 của Luật này;

Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

Kiểm nhiệm công việc thường xuyên khác;

Không hành nghề công chứng trong thời hạn 02 năm kể từ ngày được bổ nhiệm công chứng viên hoặc không hành nghề công chứng liên tục từ 12 tháng trở lên;

Hết thời hạn tạm đình chỉ hành nghề công chứng tối đa là 12 tháng mà lý do tạm đình chỉ hành nghề công chứng vẫn còn;

Đã bị xử phạt vi phạm hành chính đến lần thứ hai trong hoạt động hành nghề công chứng mà còn tiếp tục vi phạm; bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên đến lần thứ hai mà còn tiếp tục vi phạm hoặc bị kỷ luật buộc thôi việc;

Bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án;

Thuộc các trường hợp không được bổ nhiệm công chứng viên quy định tại Câu 9 tại thời điểm được bổ nhiệm.

c) Sở Tư pháp có trách nhiệm rà soát, kiểm tra việc bảo đảm tiêu chuẩn hành nghề của công chứng viên tại địa phương mình.

Khi có căn cứ cho rằng công chứng viên thuộc trường hợp bị miễn nhiệm quy định tại mục b Câu này, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị miễn nhiệm công chứng viên kèm theo các tài liệu liên quan làm căn cứ cho việc đề nghị miễn nhiệm gửi Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị miễn nhiệm công chứng viên, Bộ trưởng Bộ

Tư pháp xem xét, quyết định việc miễn nhiệm công chứng viên.

### **12. Luật Công chứng quy định về bổ nhiệm lại Công chứng viên như thế nào?**

**Trả lời:** Việc bổ nhiệm lại công chứng viên được quy định như sau:

- Người được miễn nhiệm công chứng viên được xem xét bổ nhiệm lại công chứng viên khi có đề nghị bổ nhiệm lại.

- Người bị miễn nhiệm công chứng viên được xem xét bổ nhiệm lại công chứng viên khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn công chứng viên quy định tại Câu 6 và lý do miễn nhiệm không còn, trừ trường hợp quy định tại mục 3 Câu này.

- Người bị miễn nhiệm công chứng viên do bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về tội phạm do cố ý, bị xử phạt vi phạm hành chính đến lần thứ hai trong hoạt động hành nghề công chứng mà còn tiếp tục vi phạm, bị xử lý kỷ luật bằng hình thức tước cảnh cáo trở lên đến lần thứ hai mà còn tiếp tục vi phạm hoặc bị kỷ luật buộc thôi việc thì không được bổ nhiệm lại công chứng viên.

- Thủ tục bổ nhiệm lại công chứng viên được thực hiện như đối với bổ nhiệm công chứng viên. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên gồm:

Đơn đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;

Phiếu lý lịch tư pháp;

Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp;

Bản sao quyết định miễn nhiệm công chứng viên;

Bản sao các giấy tờ chứng minh lý do miễn nhiệm không còn, trừ trường hợp người được miễn nhiệm công chứng viên được xem xét bổ nhiệm lại.

### **13. Tôi được biết Luật Công chứng năm 2014 bổ sung một số quyền và nghĩa vụ mới so với Luật Công chứng năm 2006. Đề nghị cho biết, theo Luật Công chứng 2014, công chứng viên có các quyền và nghĩa vụ gì?**

**Trả lời:**

Công chứng viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Công chứng viên có các quyền sau đây:

Được pháp luật bảo đảm quyền hành nghề công chứng;

Tham gia thành lập Văn phòng công chứng hoặc làm việc theo chế độ hợp đồng cho tổ chức hành nghề công chứng;

Được công chứng hợp đồng, giao dịch, bản dịch theo quy định của Luật này;

Đề nghị cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện việc công chứng;

Được từ chối công chứng hợp đồng, giao dịch, bản dịch vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội;

Các quyền khác theo quy định của Luật này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Công chứng viên có các nghĩa vụ sau đây:

Tuân thủ các nguyên tắc hành nghề công chứng;

Hành nghề tại một tổ chức hành nghề công chứng;

Tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người yêu cầu công chứng;

Giải thích cho người yêu cầu công chứng hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của họ, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc công chứng; trường hợp từ chối yêu cầu công chứng thì phải giải thích rõ lý do cho người yêu cầu công chứng;

Giữ bí mật về nội dung công chứng, trừ trường hợp được người yêu cầu công chứng đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác;

Tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm;

Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước người yêu cầu công chứng về văn bản công chứng của mình; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của Văn phòng công chứng mà mình là công chứng viên hợp danh;

Tham gia tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên;

Chịu sự quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, của tổ chức hành nghề công chứng mà mình làm công chứng viên và tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên mà mình là thành viên;

Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

***14. Chúng tôi là những công chứng viên đang có nguyện vọng thành lập Văn phòng công chứng. Xin hỏi, việc thành lập và đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được quy định như thế nào?***

***Trả lời:***

Luật Công chứng quy định về thành lập và đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng như sau:

(1). Các công chứng viên thành lập Văn phòng công chứng phải có hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng gồm đơn đề nghị thành lập và đề án thành lập Văn phòng công chứng, trong đó nêu rõ sự cần thiết thành lập, dự kiến về tổ chức, tên gọi, nhân sự, địa điểm đặt trụ sở, các điều

kiện vật chất và kế hoạch triển khai thực hiện; bản sao quyết định bổ nhiệm công chứng viên tham gia thành lập Văn phòng công chứng.

(2). Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(3). Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được quyết định cho phép thành lập, Văn phòng công chứng phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi đã ra quyết định cho phép thành lập.

Nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng bao gồm tên gọi của Văn phòng công chứng, họ tên Trưởng Văn phòng công chứng, địa chỉ trụ sở của Văn phòng công chứng, danh sách công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng và danh sách công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng của Văn phòng công chứng (nếu có).

(4). Hồ sơ đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng gồm đơn đăng ký hoạt động, giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng phù hợp với nội dung đã nêu trong đề án thành lập và hồ sơ đăng ký hành nghề của các công chứng viên hợp danh, công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại Văn phòng công chứng (nếu có).

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hoạt động, Sở Tư pháp cấp giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(5). Văn phòng công chứng được hoạt động công chứng kể từ ngày Sở Tư pháp cấp giấy đăng ký hoạt động.

**15. Tôi định công chứng hợp đồng tặng cho tài sản cho con gái tôi, tuy nhiên vào giờ hành chính thì tôi phải đi làm còn con tôi thì đi học. Xin hỏi các Văn phòng công chứng có làm việc vào buổi tối hoặc thứ bảy, chủ nhật không?**

**Trả lời:**

Luật Công chứng quy định tổ chức hành nghề được quyền “Cung cấp dịch vụ công chứng ngoài ngày, giờ làm việc của cơ quan hành chính nhà nước để đáp ứng nhu cầu công chứng của Nhân dân”.

Như vậy, pháp luật cho phép các tổ chức hành nghề công chứng được làm việc ngoài ngày, giờ làm việc của cơ quan hành chính nhà nước. Tuy nhiên, ông/bà cần liên hệ với Văn phòng công chứng cụ thể để biết lịch làm việc của Văn phòng đó hoặc đặt lịch giao dịch với văn phòng công chứng để làm thủ tục công chứng hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà của ông/bà.

**16. Đề nghị cho biết Công chứng viên có được hành nghề độc lập với tư cách cá nhân không?**

**Trả lời:** Công chứng viên không được hành nghề độc lập với tư cách cá nhân.

Để được hành nghề công chứng, trước hết công chứng viên phải làm việc tại một tổ chức hành nghề công chứng với tư cách thành viên hợp danh hoặc hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động với tổ chức hành nghề công chứng. Sau đó, tổ chức hành nghề công chứng đăng ký hành nghề cho công chứng viên của tổ chức mình tại Sở Tư pháp nơi tổ chức hành nghề công chứng đăng ký hoạt động. Sở Tư pháp thực hiện đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên cho công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng.

Công chứng viên chỉ được hành nghề công chứng sau khi được cấp Thẻ công chứng viên và hành nghề dưới các hình thức: Công chứng viên của các Phòng công chứng; Công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng; Công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại Văn phòng công chứng.

Việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chứng viên tại các Phòng công chứng được thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức.

Việc ký và thực hiện hợp đồng lao động với công chứng viên làm việc tại Văn phòng công chứng được thực hiện theo quy định của Luật công chứng và pháp luật về lao động.

**17. Tôi muốn công chứng hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, vậy hồ sơ yêu cầu công chứng bao gồm những giấy tờ gì?**

**Trả lời:** Hồ sơ yêu cầu công chứng gồm các giấy tờ sau đây:

- Phiếu yêu cầu công chứng, trong đó có thông tin về họ tên, địa chỉ người yêu cầu công chứng, nội dung cần công chứng, danh mục giấy tờ gửi kèm theo; tên tổ chức hành nghề công chứng, họ tên người tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng, thời điểm tiếp nhận hồ sơ;

- Dự thảo hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất;

- Bản sao giấy tờ tùy thân của người yêu cầu công chứng;

- Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao giấy tờ thay thế theo quy định của Luật đất đai.

- Bản sao giấy tờ khác có liên quan đến hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất.

**18. Tôi đang công tác tại Lai Châu, nên tôi muốn đến phòng Công chứng số 1 tỉnh Lai Châu để công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mảnh đất ở huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình của gia đình tôi cho gia đình khác có được không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 42 Luật Công chứng: “Công chứng viên của tổ chức hành, nghề công chứng chỉ được

công chứng hợp đồng, giao dịch về bất động sản trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức hành nghề công chứng đặt trụ sở, trừ trường hợp công chứng di chúc, văn bản từ chối nhận di sản là bất động sản và văn bản ủy quyền liên quan đến việc thực hiện các quyền đối với bất động sản”. Đối chiếu với quy định trên thì gia đình anh không thể thực hiện công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng mảnh đất đó tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Lai Châu mà phải thực hiện tại các tổ chức hành nghề công chứng đặt trụ sở tại tỉnh Thái Bình.

**19. Cho tôi hỏi, thời hạn công chứng các hợp đồng, giao dịch là bao nhiêu ngày?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 43 Luật Công chứng thời hạn công chứng các hợp đồng, giao dịch là không quá 02 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc.

**20. Tôi muốn lập bản di chúc để lại các tài sản cho các con của tôi, nhưng do tôi bị liệt nên việc di chuyển rất khó khăn, cho hỏi tôi có thể thực hiện việc công chứng bản di chúc đó tại gia đình tôi được không?**

**Trả lời:**

Theo Khoản 2 Điều 44 Luật Công chứng quy định “Việc công chứng có thể được thực hiện ngoài trụ sở của

tổ chức hành nghề công chứng trong trường hợp người yêu cầu công chứng là người già yếu, không thể đi lại được, người đang bị tạm giữ, tạm giam, đang thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác không thể đến trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng.”, vì vậy có thể yêu cầu Công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng đến tận gia đình để thực hiện công chứng di chúc.

**21. Người mất thính giác (không nghe được) có thể yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch được không?**

**Trả lời:**

Khoản 2 Điều 47 Luật Công chứng quy định “Trường hợp người yêu cầu công chứng không đọc được, không nghe được, không ký, điểm chỉ được hoặc trong những trường hợp khác do pháp luật quy định thì việc công chứng phải có người làm chứng.

Người làm chứng phải là người từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến việc công chứng.

Người làm chứng do người yêu cầu công chứng mời, nếu người yêu cầu công chứng không mời được thì công chứng viên chỉ định”.

Theo quy định trên thì người mất thính giác (không nghe được) vẫn có quyền yêu cầu công chứng, hợp đồng giao dịch.

**22. *Bố chồng tôi là người dân tộc Mông, không nói tiếng Việt thành thạo, để yêu cầu công chứng hợp đồng tặng cho tài sản cho vợ chồng tôi thì có cần phải có người phiên dịch không?***

***Trả lời:***

Tại Khoản 3 Điều 47 Luật Công chứng quy định: “Trường hợp người yêu cầu công chứng không thông thạo tiếng Việt thì họ phải có người phiên dịch.

Người phiên dịch phải là người từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, thông thạo tiếng Việt và ngôn ngữ mà người yêu cầu công chứng sử dụng.

Người phiên dịch do người yêu cầu công chứng mời và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phiên dịch của mình.”

Vì vậy, bố chồng chị do không nói thành thạo tiếng Việt thì cần phải có người phiên dịch để thực hiện phiên dịch nội dung hợp đồng tặng cho tài sản cho vợ chồng chị.

**23. *Việc điểm chỉ được thay thế việc ký trong công chứng các hợp đồng, giao dịch được thực hiện trong những trường hợp nào?***

***Trả lời:***

Theo quy định tại Điều 48 Luật Công chứng thì việc điểm chỉ được thay thế việc ký trong trường hợp người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch không ký được do khuyết tật hoặc không biết ký. Khi

điểm chỉ, người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch sử dụng ngón trỏ phải; nếu không điểm chỉ được bằng ngón trỏ phải thì điểm chỉ bằng ngón trỏ trái; trường hợp không thể điểm chỉ bằng hai ngón trỏ đó thì điểm chỉ bằng ngón khác và phải ghi rõ việc điểm chỉ đó bằng ngón nào, của bàn tay nào.

Việc điểm chỉ cũng có thể thực hiện đồng thời với việc ký trong các trường hợp sau đây:

- Công chứng di chúc;
- Theo đề nghị của người yêu cầu công chứng;
- Công chứng viên thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi cho người yêu cầu công chứng.

**24. *Tôi ra Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để nộp hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, khi kiểm tra hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã làm tại tổ chức hành nghề công chứng phát hiện sai họ của người nhận chuyển nhượng nhưng đã được sửa bằng cách dùng bút xóa và viết đúng họ của người nhận chuyển nhượng đóng dấu của tổ chức hành nghề công chứng, nhưng vẫn bị người tiếp nhận hồ sơ ở Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất từ chối với lý do là sửa lỗi kỹ thuật trong văn bản công chứng không đúng quy định của pháp luật. Cho tôi hỏi việc từ chối đó có đúng không? tôi phải làm thế nào để nộp được hồ sơ để đăng ký quyền sở hữu?***

***Trả lời:***

Theo quy định tại Điều 50 Luật công chứng về việc sửa lỗi kỹ thuật trong văn bản công chứng quy định:

“Lỗi kỹ thuật là lỗi do sai sót trong khi ghi chép đánh máy, in ấn trong văn bản công chứng mà việc sửa lỗi đó không làm ảnh hưởng quyền và nghĩa vụ của người tham gia hợp đồng, giao dịch. Việc sửa lỗi kỹ thuật trong văn bản công chứng được thực hiện tại tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện việc công chứng đó. Công chứng viên thực hiện việc sửa lỗi kỹ thuật có trách nhiệm đối chiếu từng lỗi cần sửa với các giấy tờ trong hồ sơ công chứng, gạch chân chỗ cần sửa sau đó ghi chữ, dấu hoặc con số đã được sửa vào bên lề kèm theo chữ ký của mình và đóng dấu của tổ chức hành nghề công chứng”.

Vì vậy, hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của bạn bị Văn phòng đăng ký từ chối là đúng. Để thực hiện được việc đăng ký quyền sử dụng đất đó, bạn mang hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng nơi bạn đã yêu cầu công chứng để sửa lỗi kỹ thuật do sơ xuất khi đánh máy theo đúng quy định tại Điều 50 Luật Công chứng, sau đó bạn mang nộp lại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất.

**25. Công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch được thực hiện khi nào và ở đâu?**

**Trả lời:**

Luật Công chứng quy định: Việc công chứng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được công chứng chỉ được thực hiện khi có sự thỏa thuận, cam kết

bằng văn bản của tất cả những người đã tham gia hợp đồng, giao dịch đó.

Việc công chứng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được công chứng được thực hiện tại tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện việc công chứng đó và do công chứng viên tiến hành. Trường hợp tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện việc công chứng chấm dứt hoạt động, chuyển đổi, chuyển nhượng hoặc giải thể thì công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng đang lưu trữ hồ sơ công chứng thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.

**26. Những ai có quyền đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu?**

**Trả lời:**

Luật công chứng quy định công chứng viên, người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu khi có căn cứ cho rằng việc công chứng có vi phạm pháp luật.

**27. Tôi muốn thế chấp quyền sử dụng đất của mình cho ngân hàng để vay vốn. Tôi có thể thực hiện công chứng hợp đồng đó ở đâu?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 54 Luật Công chứng: “Việc công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản

phải được thực hiện tại tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có bất động sản”.

Do vậy, bạn có thể thực hiện công chứng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại Phòng công chứng (hoặc Văn phòng công chứng) tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi bạn có đất.

**28. Tôi muốn làm hợp đồng ủy quyền cho bạn của tôi thay mặt tôi lấy bằng tốt nghiệp đại học ở dưới Hà Nội, tuy nhiên bạn của tôi vì lý do công việc không thể lên Lai Châu để cùng thực hiện hợp đồng ủy quyền đó, vậy cho tôi hỏi, tôi có thể tự mình yêu cầu công chứng hợp đồng đó được không?**

**Trả lời:**

Bạn có quyền yêu cầu công chứng hợp đồng ủy quyền cho người bạn, vì Luật công chứng quy định: Trong trường hợp bên ủy quyền và bên được ủy quyền không thể cùng đến một tổ chức hành nghề công chứng thì bên ủy quyền yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng nơi họ cư trú công chứng hợp đồng ủy quyền; bên được ủy quyền yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng nơi họ cư trú công chứng tiếp vào bản gốc hợp đồng ủy quyền này, hoàn tất thủ tục công chứng hợp đồng ủy quyền.

**29. Mẹ tôi muốn lập di chúc phân chia di sản, nhưng do tuổi đã cao, việc đi lại gặp rất nhiều khó khăn, mẹ muốn ủy quyền cho tôi đi công chứng bản di chúc đó có được không?**

**Trả lời:**

Mẹ anh không thể ủy quyền cho anh đi công chứng bản di chúc đó được vì theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Công chứng: “Người lập di chúc phải tự mình yêu cầu công chứng di chúc, không ủy quyền cho người khác yêu cầu công chứng di chúc”. Nếu việc đi lại của mẹ bạn gặp khó khăn, mẹ bạn có thể yêu cầu công chứng viên đến nhà để tiến hành công chứng bản di chúc đó.

**30. Di chúc bố mẹ tôi được lập từ năm 2010 và đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Lai châu. Hiện nay bố mẹ tôi đang sinh sống tại Thái Bình và muốn bổ sung thêm nội dung vào bản di chúc, nhưng nghe mọi người nói muốn bổ sung di chúc thì phải thực hiện tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Lai châu. Như vậy có đúng không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 56 Luật Công chứng quy định “Di chúc đã được công chứng nhưng sau đó người lập di chúc muốn sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc thì có thể yêu cầu bất kỳ công chứng viên nào công chứng việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ đó. Trường hợp di chúc trước đó đang được lưu giữ tại một tổ chức hành nghề công chứng thì người lập di chúc phải thông báo cho tổ chức hành nghề công chứng đang lưu giữ di chúc biết việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc đó”. Như vậy, bố mẹ bạn có thể đến bất cứ tổ chức hành nghề công chứng nào

để tiến hành bổ sung bản di chúc trên, đồng thời phải thông báo việc bổ sung di chúc cho Phòng công chứng số 1 tỉnh Lai Châu.

**31. Mẹ tôi mất để lại một bản di chúc trong đó để lại ngôi nhà của mẹ tôi cho hai chị em tôi, tuy nhiên nội dung bản di chúc không ghi rõ cụ thể phần di sản của từng người được hưởng, tôi và em tôi có quyền thỏa thuận phân chia di sản được không?**

**Trả lời:**

Nếu bản di chúc của mẹ bạn không ghi rõ phần di sản của từng người được hưởng thì hai chị em bạn tự thỏa thuận phân chia di sản; hai chị em có thể đến tổ chức hành nghề công chứng nơi có ngôi nhà để yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản đó.

**32. Ông bà tôi khi mất có để lại một bản di chúc, trong đó để lại cho tôi toàn bộ tài sản của ông bà gồm nhà đang ở và tiền, vàng do ông bà tích góp từ trước đến nay. Từ khi bản di chúc được mở, gia đình tôi xảy ra rất nhiều chuyện, các chú, các bác của tôi cho rằng như vậy là không công bằng, họ cũng từ mặt bố mẹ tôi vì cho rằng họ đã xúi giục ông, bà tôi làm thế. Tôi đã bàn với bố mẹ và quyết không nhận phần di sản đó, tôi làm vậy có được không?**

**Trả lời:**

Nếu bạn không muốn nhận phần di sản đó thì bạn có thể làm văn bản từ chối nhận di sản và yêu cầu công

chứng văn bản từ chối nhận di sản. Khi yêu cầu công chứng văn bản từ chối nhận di sản, bạn phải xuất trình bản sao di chúc, giấy chứng tử hoặc giấy tờ khác chứng minh ông, bà đã chết.

**33. Cho tôi hỏi, vì lý do cá nhân nên khi lập di chúc tôi muốn yêu Phòng công chứng nơi tôi công chứng thực hiện việc giữ di chúc của tôi có được không?**

**Trả lời:**

Bạn có thể yêu cầu Phòng công chứng giữ di chúc của bạn, vì theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Luật Công chứng “Người lập di chúc có thể yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng nhận lưu giữ di chúc của mình. Khi nhận lưu giữ di chúc, công chứng viên phải niêm phong bản di chúc trước mặt người lập di chúc, ghi giấy nhận lưu giữ và giao cho người lập di chúc”.

**34. Việc cấp bản sao văn bản công chứng được thực hiện trong những trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 65 Luật Công chứng, việc cấp bản sao văn bản công chứng được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền có yêu cầu bằng văn bản về việc cung cấp hồ sơ công chứng phục vụ cho việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án liên quan đến việc đã công

chúng. Việc đối chiếu bản sao văn bản công chứng với bản chính chỉ được thực hiện tại tổ chức hành nghề công chứng nơi đang lưu trữ hồ sơ công chứng.

- Theo yêu cầu của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng, giao dịch đã được công chứng.

**35. Người yêu cầu công chứng có hành vi cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật sẽ bị xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 75 Luật Công chứng quy định “Người yêu cầu công chứng có hành vi cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, sử dụng giấy tờ, văn bản giả mạo, sửa chữa, tẩy xóa giấy tờ, văn bản trái pháp luật hoặc có hành vi gian dối khác khi yêu cầu công chứng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật”

**36. Trong trường hợp giữa người yêu cầu công chứng và công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng có tranh chấp liên quan đến hoạt động hành nghề công chứng thì sẽ được giải quyết như thế nào?**

**Trả lời:** Theo quy định tại Điều 76 Luật Công chứng “Trong trường hợp giữa người yêu cầu công chứng và công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng có tranh chấp liên quan đến hoạt động hành nghề công chứng thì

các bên có quyền khởi kiện vụ việc ra Tòa án để giải quyết tranh chấp đó”.

**37. Những hành vi nào bị nghiêm cấm đối với Công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 tại Điều 7 Luật công chứng năm 2014 nghiêm cấm Công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng thực hiện các việc sau đây:

- Tiết lộ thông tin về nội dung công chứng, trừ trường hợp được người yêu cầu công chứng đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác; sử dụng thông tin về nội dung công chứng để xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức;

- Thực hiện công chứng trong trường hợp mục đích và nội dung của hợp đồng, giao dịch, nội dung bản dịch vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội, xúi giục, tạo điều kiện cho người tham gia hợp đồng, giao dịch, nội dung bản dịch vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội; xúi giục, tạo điều kiện cho người tham gia hợp đồng, giao dịch thực hiện giao dịch giả tạo hoặc hành vi gian dối khác;

- Công chứng hợp đồng, giao dịch, bản dịch có liên quan đến tài sản lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thiết là vợ hoặc chồng; cha mẹ đẻ; cha mẹ nuôi; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông, bà; anh chị em ruột,

anh chị em ruột của vợ hoặc chồng; cháu là con của con đẻ, con nuôi;

- Từ chối yêu cầu công chứng mà không có lý do chính đáng; sách nhiễu gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng;

- Nhận, đòi hỏi tiền hoặc lợi ích khác từ người yêu cầu công chứng ngoài phí công chứng, thù lao công chứng và các chi phí khác đã được xác định, thỏa thuận; nhận, đòi hỏi tiền hoặc lợi ích khác từ người thứ ba để thực hiện hoặc không thực hiện việc công chứng gây thiệt hại cho người yêu cầu công chứng và cá nhân, tổ chức có liên quan;

- Ép buộc người khác sử dụng dịch vụ của mình; cấu kết, thông đồng với người yêu cầu công chứng và những người có liên quan làm sai lệch nội dung của văn bản công chứng; hồ sơ công chứng;

- Gây áp lực đe dọa hoặc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội để giành lợi thế cho mình hoặc cho tổ chức mình trong việc hành nghề công chứng;

- Quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng về công chứng viên và tổ chức của mình;

- Tổ chức hành nghề công chứng mở chi nhánh, văn phòng đại diện, cơ sở, địa điểm giao dịch khác ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng; thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ ngoài phạm vi hoạt động đã đăng ký;

- Công chứng viên đồng thời hành nghề tại hai tổ chức hành nghề công chứng trở lên hoặc kiêm nhiệm công việc thường xuyên khác;

- Công chứng viên tham gia quản lý doanh nghiệp ngoài tổ chức hành nghề công chứng; thực hiện hoạt động môi giới, đại lý; tham gia chia lợi nhuận trong hợp đồng, giao dịch mà mình nhận công chứng;

- Vi phạm pháp luật, vi phạm quy tắc đạo đức hành nghề công chứng.

***38. Tôi đến tổ chức hành nghề công chứng để yêu cầu công chứng hợp đồng mua bán xe, nhưng sau khi ký hợp đồng Công chứng viên lại yêu cầu tôi điền chỉ vào hợp đồng. Việc yêu cầu đó của Công chứng viên có đúng không vì tôi biết chữ và tôi đã ký vào hợp đồng?***

***Trả lời:***

Theo quy định tại Điều 48 Luật Công chứng về việc ký, điền chỉ trong văn bản công chứng, người yêu cầu công chứng, người làm chứng, phải ký vào hợp đồng, giao dịch trước mặt công chứng viên. Việc điền chỉ được thay thế việc ký trong trường hợp người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch không ký được do khuyết tật và không biết ký.

Việc điền chỉ cũng có thể thực hiện đồng thời với việc ký trong các trường hợp như: Công chứng di chúc; Theo đề nghị của người yêu cầu công chứng; Công chứng

viên thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi cho người yêu cầu công chứng.

Vì vậy, Công chứng viên yêu cầu bạn ký và điền chỉ vào hợp đồng hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật; tuy nhiên bạn có quyền từ chối điền chỉ nếu thấy việc điền chỉ đó là không cần thiết.

**39. Tôi là Giám đốc doanh nghiệp tư nhân, năm 2009 doanh nghiệp tôi được UBND tỉnh cho thuê quyền sử dụng đất tại huyện Tân Uyên mục đích để sản xuất kinh doanh. Năm 2010 tôi đã xây dựng hệ thống nhà xưởng và nhà làm việc trên đất đó và đã đăng ký quyền sở hữu. Giờ tôi chuyển nhượng tài sản gắn liền trên đất cho Doanh nghiệp tư nhân Chiến Thắng. Để thực hiện hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền trên đất tôi phải làm ở đâu và cơ quan nào có thẩm quyền thực hiện?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 42 Luật công chứng năm 2014 quy định Công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng được công chứng hợp đồng, giao dịch về bất động sản trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức hành nghề công chứng đặt trụ sở và theo quy định tại Điều 167 luật đất đai năm 2014.

Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực trừ trường hợp hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử

dụng đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các bên tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản được công chứng hoặc chứng thực theo yêu cầu của các bên.

Việc công chứng được thực hiện tại tổ chức hành nghề công chứng, việc chứng thực thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Do vậy, để thực hiện hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền trên đất anh có thể đến UBND xã nơi có đất hoặc tổ chức hành nghề công chứng để thực hiện.

**40. Tôi đang sinh sống làm việc tại thành phố Hải Phòng, tôi muốn từ chối phần được hưởng di sản của bố tôi là quyền sử dụng đất tại thành phố Lai Châu thì tôi làm làm văn bản từ chối ở tổ chức hành nghề công chứng tại Hải Phòng hay tại Lai Châu ? Khi yêu công chứng văn bản từ chối nhận di sản, tôi phải xuất trình những giấy tờ gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 42 Luật Công chứng quy định Công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng chỉ được công chứng hợp đồng, giao dịch về bất động sản trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức hành nghề công chứng đặt trụ sở, trừ trường hợp công chứng di chúc, văn bản từ chối nhận di sản là bất

động sản và văn bản ủy quyền liên quan đến việc thực hiện các quyền đối với bất động sản.

Như vậy, để thực hiện công chứng văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của bố bạn để lại, bạn có thể làm bất kỳ tại tổ chức hành nghề công chứng nào ở thành phố Hải Phòng.

Khi thực hiện yêu cầu công chứng văn bản từ chối nhận di sản thừa kế bạn phải xuất trình những giấy tờ sau:

- Phiếu yêu cầu công chứng;
- Dự thảo văn bản từ chối nhận di sản thừa kế;
- Bản sao giấy tờ tùy thân;
- Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Giấy tờ chứng minh quan hệ giữa người để lại di sản và người yêu cầu công chứng;
- Giấy chứng tử chứng minh người để lại di sản đã chết.

#### **(Điều 59. Công chứng văn bản từ chối nhận di sản**

Người thừa kế có thể yêu cầu công chứng văn bản từ chối nhận di sản. Khi yêu cầu công chứng văn bản từ chối nhận di sản, người yêu cầu công chứng phải xuất trình bản sao di chúc trong trường hợp thừa kế theo di chúc hoặc giấy tờ chứng minh quan hệ giữa người để lại di sản và người yêu cầu công chứng theo pháp luật về thừa kế; giấy chứng tử hoặc giấy tờ khác chứng minh người để lại di sản đã chết.)

***41. Tôi muốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (giấy chứng nhận quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất mang tên cả hai vợ chồng tôi). Hiện nay vợ tôi đang đi học tại Thành phố Hồ Chí Minh không về Lai Châu để ký hợp đồng được. Vậy vợ tôi có thể đến tổ chức hành nghề công chứng tại Thành phố Hồ Chí Minh làm hợp đồng ủy quyền cho tôi được không?***

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Công chứng quy định về công chứng hợp đồng ủy quyền: Trong trường hợp bên ủy quyền và bên được ủy quyền không thể cùng đến một tổ chức hành nghề công chứng thì bên ủy quyền yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng nơi họ cư trú công chứng hợp đồng ủy quyền; bên được ủy quyền yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng nơi họ cư trú công chứng tiếp vào bản gốc hợp đồng ủy quyền này, hoàn tất thủ tục công chứng hợp đồng ủy quyền.

Như vậy vợ anh làm hợp đồng ủy quyền cho anh để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng tại thành phố Hồ Chí Minh, sau đó gửi hợp đồng ủy quyền về cho anh; anh mang ra tổ chức hành nghề công chứng ở Lai Châu để hoàn tất thủ tục công chứng hợp đồng ủy quyền và anh có thể chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đó.

**42. Tôi đến Phòng công chứng để thực hiện công chứng hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, được viên chức Phòng công chứng trả lời hợp đồng của tôi phải hai hôm nữa mới ký được với lý do Công chứng viên ký hợp đồng ban đầu đang nghỉ phép, mà tôi đang cần gấp. Xin hỏi việc yêu cầu công chứng hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhất thiết phải có Công chứng viên đã ký ban đầu để ký hợp đồng sửa đổi, bổ sung không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 51 Luật Công chứng quy định công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được công chứng chỉ được thực hiện khi có sự thỏa thuận, cam kết bằng văn bản của tất cả những người đã tham gia hợp đồng, giao dịch đó.

Việc công chứng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được công chứng, được thực hiện tại tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện việc công chứng đó và do Công chứng viên tiến hành. Trường hợp tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện việc công chứng chấm dứt hoạt động, chuyển đổi chuyên nhượng hoặc giải thể thì Công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng đang lưu trữ hồ sơ công chứng thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch.

Trường hợp của ông (bà), nếu ông (bà) và bên nhận thế chấp đồng ý sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế thì chỉ cần

Công chứng viên của Phòng công chứng đã thực hiện việc công chứng đó là được.

**43. Tôi có ngôi nhà tại huyện Than Uyên nhưng hiện nay tôi đang làm việc ở thành phố Lai Châu. Tôi muốn thế chấp ngôi nhà đó tại Chi nhánh ngân hàng BIDV tỉnh Lai Châu để vay tiền. Để thực hiện hợp đồng thế chấp, tôi phải làm ở tổ chức hành nghề công chứng tại thành phố Lai Châu hay tại huyện Than Uyên?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 54 Luật Công chứng về công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản: Việc công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản phải được thực hiện tại tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có bất động sản. Vì vậy, anh có thể thực hiện công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản đó tại tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

**44. Công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng được thực hiện những việc gì?**

**Trả lời**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 và Điều 77 Luật Công chứng, công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng có thẩm quyền được thực hiện những việc sau đây:

- Chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng giao dịch dân sự; tính chính xác, hợp pháp không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ văn bản từ tiếng Việt

sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng.

- Chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản.

## **LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH NĂM 2014**

***1. Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực kể từ thời điểm nào?***

***Trả lời:***

Luật hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 (gọi tắt là Luật hôn nhân và gia đình), có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-2015; kể từ thời điểm này Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 hết hiệu lực.

***2. Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo những điều kiện nào?***

***Trả lời:*** Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:

- Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;
- Không bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp sau:

- + Kết hôn giả tạo;
- + Cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn;
- + Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn với người đang có chồng, có vợ;

+ Kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.

**3. Trường hợp nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì được giải quyết như thế nào?**

**Trả lời:**

Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con.

Trong trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nhưng sau đó thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm đăng ký kết hôn.

**4. Quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được giải quyết như thế nào?**

**Trả lời:**

Quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên; trong trường hợp không có thỏa thuận thì giải quyết theo quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Việc giải quyết quan hệ tài sản phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con; công việc nội trợ và công việc khác có liên quan để duy trì đời sống chung được coi như lao động có thu nhập.

**5. Chế độ tài sản của vợ, chồng được pháp luật quy định trên các nguyên tắc chung nào?**

**Trả lời:**

Nguyên tắc chung về chế độ tài sản của vợ, chồng được quy định như sau:

- Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập.

- Vợ, chồng có nghĩa vụ bảo đảm điều kiện để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

- Việc thực hiện quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ, chồng mà xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, chồng, gia đình và của người khác thì phải bồi thường.

**6. Tài sản chung của vợ, chồng được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

- Tài sản chung của vợ chồng gồm:

Tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân (trừ trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng thì phần tài sản được chia, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của mỗi bên sau khi chia tài sản chung là tài sản riêng của vợ, chồng); tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung.

Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng.

- Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất, được dùng để bảo đảm nhu cầu của gia đình, thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng.

- Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung.

### **7. Những loại tài sản nào được coi là tài sản riêng của vợ, chồng?**

**Trả lời:**

Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn; tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân; tài sản được

chia riêng cho vợ, chồng theo quy định; tài sản phục vụ nhu cầu thiết yếu của vợ, chồng và tài sản khác mà theo quy định của pháp luật thuộc sở hữu riêng của vợ, chồng.

Tài sản được hình thành từ tài sản riêng của vợ, chồng cũng là tài sản riêng của vợ, chồng nhưng hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ, chồng.

### **8. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì những người nào được quyền yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn?**

**Trả lời:**

Ngoài vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn thì cha, mẹ, người thân thích khác có quyền yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ.

### **9. Người chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

**10. Luật hôn nhân và gia đình có cho phép mang thai hộ vì mục đích nhân đạo không? Nếu được thì cần phải có những điều kiện gì?**

**Trả lời:** Luật hôn nhân và gia đình cho phép được mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

Việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo được thực hiện khi có những điều kiện sau:

- Phải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên và được lập thành văn bản.

- Vợ chồng có quyền nhờ người mang thai hộ khi có đủ các điều kiện sau:

+ Có xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về việc người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản;

+ Vợ chồng đang không có con chung;

+ Đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý.

- Người được nhờ mang thai hộ phải có đủ các điều kiện sau đây:

+ Là người thân thích cùng họ hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ;

+ Đã từng sinh con và chỉ được mang thai hộ một lần;

+ Ở độ tuổi phù hợp và có xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về khả năng mang thai hộ;

+ Trường hợp người phụ nữ mang thai hộ có chồng thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người chồng;

+ Đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý.

- Không được trái với quy định của pháp luật về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

**11. Con sinh ra trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo thì cha, mẹ được xác định như thế nào?**

**Trả lời:**

Con sinh ra trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là con chung của vợ chồng nhờ mang thai hộ kể từ thời điểm con được sinh ra.

**12. Bên mang thai hộ vì mục đích nhân đạo có các quyền và nghĩa vụ gì?**

**Trả lời:**

- Người mang thai hộ, chồng của người mang thai hộ có quyền, nghĩa vụ như cha mẹ trong việc chăm sóc sức khỏe sinh sản và chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến thời điểm giao đưa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ; phải giao đưa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ.

- Người mang thai hộ phải tuân thủ quy định về thăm khám, các quy trình sàng lọc để phát hiện, điều trị các bất thường, dị tật của bào thai theo quy định của Bộ Y tế.

- Người mang thai hộ được hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội cho đến thời điểm giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ. Trong trường hợp kể từ ngày sinh đến thời điểm giao đứa trẻ mà thời gian hưởng chế độ thai sản chưa đủ 60 ngày thì người mang thai hộ vẫn được hưởng chế độ thai sản cho đến khi đủ 60 ngày. Việc sinh con do mang thai hộ không tính vào số con theo chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

- Bên mang thai hộ có quyền yêu cầu bên nhờ mang thai hộ thực hiện việc hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe sinh sản.

Trong trường hợp vì lý do tính mạng, sức khỏe của mình hoặc sự phát triển của thai nhi, người mang thai hộ có quyền quyết định về số lượng bào thai, việc tiếp tục hay không tiếp tục mang thai phù hợp với quy định của pháp luật về chăm sóc sức khỏe sinh sản và sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

- Trong trường hợp bên nhờ mang thai hộ từ chối nhận con thì bên mang thai hộ có quyền yêu cầu tòa án buộc bên nhờ mang thai hộ nhận con.

**13. Trong trường hợp có tranh chấp liên quan đến việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo thì được giải quyết như thế nào?**

**Trả lời:**

Tòa án là cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ.

Trong trường hợp chưa giao đứa trẻ mà cả hai vợ chồng bên nhờ mang thai hộ chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì bên mang thai hộ có quyền nhận nuôi đứa trẻ; nếu bên mang thai hộ không nhận nuôi đứa trẻ thì việc giám hộ và cấp dưỡng đối với đứa trẻ được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và Bộ luật dân sự.

**14. Việc đại diện giữa vợ và chồng được xác lập dựa trên những căn cứ nào?**

**Trả lời:**

Việc đại diện giữa vợ và chồng trong xác lập, thực hiện, chấm dứt giao dịch được xác định theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

Vợ, chồng có thể ủy quyền cho nhau xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch nhưng phải có sự đồng ý của cả hai vợ chồng.

Vợ, chồng đại diện cho nhau khi một bên mất năng lực hành vi dân sự mà bên kia có đủ điều kiện làm người giám hộ hoặc khi một bên bị hạn chế năng lực hành vi dân sự mà bên kia được Tòa án chỉ định làm người đại diện theo pháp luật cho người đó, trừ trường hợp theo quy

định của pháp luật thì người đó phải tự mình thực hiện quyền, nghĩa vụ có liên quan.

Trong trường hợp một bên vợ, chồng mất năng lực hành vi dân sự mà bên kia có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì căn cứ vào quy định về giám hộ trong Bộ luật dân sự, Tòa án chỉ định người khác đại diện cho người bị mất năng lực hành vi dân sự để giải quyết việc ly hôn.

**15. Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ gì trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình?**

**Trả lời:**

Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Trong trường hợp vợ chồng không có tài sản chung hoặc tài sản chung không đủ để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì vợ, chồng có nghĩa vụ đóng góp tài sản riêng theo khả năng kinh tế của mỗi bên.

**16. Các giao dịch liên quan đến nhà là nơi ở duy nhất của vợ, chồng được xác lập và thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Việc xác lập, thực hiện, chấm dứt các giao dịch liên quan đến nhà là nơi ở duy nhất của vợ chồng phải có sự thỏa thuận của vợ chồng. Trong trường hợp nhà ở thuộc sở hữu riêng của vợ hoặc chồng thì chủ sở hữu có quyền xác lập, thực hiện, chấm dứt giao dịch liên quan đến tài sản đó nhưng phải bảo đảm chỗ ở cho vợ chồng.

**17. Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của vợ, chồng được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung do vợ chồng thỏa thuận.

Việc định đoạt tài sản chung phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của vợ chồng đối với tài sản là: bất động sản; động sản mà theo quy định của pháp luật phải đăng ký quyền sở hữu; tài sản đang là nguồn tạo ra thu nhập chủ yếu của gia đình.

**18. Chế độ tài sản của vợ chồng được giải quyết như thế nào trong trường hợp một bên chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết?**

**Trả lời:**

Khi một bên vợ, chồng chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì bên còn sống quản lý tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp trong di chúc có chỉ định người khác quản lý di sản hoặc những người thừa kế thỏa thuận cử người khác quản lý di sản.

Khi có yêu cầu về chia di sản thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận về chế độ tài sản. Phần tài sản của vợ, chồng chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết được chia theo quy định của pháp luật về thừa kế.

Trong trường hợp việc chia di sản ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của vợ hoặc chồng còn sống, gia đình thì vợ, chồng còn sống có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế phân chia di sản theo quy định của Bộ luật dân sự.

Tài sản của vợ chồng trong kinh doanh thì người còn sống quản lý tài sản chung của vợ chồng, khi có yêu cầu về chia di sản thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, trừ trường hợp pháp luật về kinh doanh có quy định khác.

**19. Quan hệ nhân thân, tài sản khi vợ, chồng bị tuyên bố đã chết mà trở về được giải quyết như thế nào?**

**Trả lời:**

Khi Tòa án ra quyết định hủy bỏ tuyên bố một người là đã chết mà vợ hoặc chồng của người đó chưa kết hôn với người khác thì quan hệ hôn nhân được khôi phục kể từ thời điểm kết hôn. Trong trường hợp có quyết định cho ly hôn của Tòa án do vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì quyết định cho ly hôn vẫn có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp vợ, chồng của người đó đã kết hôn với người khác thì quan hệ hôn nhân được xác lập sau có hiệu lực pháp luật.

Quan hệ tài sản của người bị tuyên bố là đã chết trở về với người vợ hoặc chồng được giải quyết như sau:

- Trong trường hợp hôn nhân được khôi phục thì quan hệ tài sản được khôi phục kể từ thời điểm quyết

định của Tòa án hủy bỏ tuyên bố chồng, vợ là đã chết có hiệu lực. Tài sản do vợ, chồng có được kể từ thời điểm quyết định của Tòa án về việc tuyên bố chồng, vợ là đã chết có hiệu lực đến khi quyết định hủy bỏ tuyên bố chồng, vợ đã chết có hiệu lực là tài sản riêng của người đó;

- Trong trường hợp hôn nhân không được khôi phục thì tài sản có được trước khi quyết định của Tòa án về việc tuyên bố vợ, chồng là đã chết có hiệu lực mà chưa chia được giải quyết như chia tài sản khi ly hôn.

**20. Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ đối với con được quy định như thế nào?**

**Trả lời:** Cha mẹ có các quyền và nghĩa vụ sau đối với con:

- Thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.

- Trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Giám hộ hoặc đại diện theo quy định của Bộ luật dân sự cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự.

- Không được phân biệt đối xử với con trên cơ sở giới hoặc theo tình trạng hôn nhân của cha mẹ; không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động; không được xúi giục, ép buộc con làm việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

**21. Con có những quyền và nghĩa vụ gì đối với cha, mẹ?**

**Trả lời:**

- Con có những quyền sau:

+ Được cha mẹ thương yêu, tôn trọng, thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp về nhân thân và tài sản theo quy định của pháp luật; được học tập và giáo dục; được phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức.

+ Con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì có quyền sống chung với cha mẹ, được cha mẹ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc.

+ Con đã thành niên có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội theo nguyện vọng và khả năng của mình.

+ Được hưởng quyền về tài sản tương xứng với công sức đóng góp vào tài sản của gia đình.

- Con có nghĩa vụ yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình. Con chưa thành niên tham gia công việc gia đình phù hợp với lứa tuổi và không trái với quy định của pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Khi sống cùng với cha mẹ, con có nghĩa vụ tham gia công việc gia đình, lao động, sản xuất, tạo thu nhập nhằm bảo đảm đời sống chung của gia đình; đóng góp thu nhập vào việc đáp ứng nhu cầu của gia đình phù hợp với khả năng của mình.

**22. Việc đại diện cho con của cha, mẹ được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Cha mẹ là người đại diện theo pháp luật của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, trừ trường hợp con có người khác làm giám hộ hoặc có người khác đại diện theo pháp luật.

Cha hoặc mẹ có quyền tự mình thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Đối với giao dịch liên quan đến tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, tài sản đưa vào kinh doanh của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự thì phải có sự thỏa thuận của cha mẹ.

Cha, mẹ phải chịu trách nhiệm liên đới về việc thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản của con.

**23. Quyền, nghĩa vụ của cha nuôi, mẹ nuôi và con nuôi được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Quyền, nghĩa vụ của cha nuôi, mẹ nuôi và con nuôi được quy định như sau:

- Cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi có quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ, con kể từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi được xác lập theo quy định của Luật Nuôi con nuôi.

Trong trường hợp chấm dứt việc nuôi con nuôi theo quyết định của Tòa án thì quyền, nghĩa vụ của cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Quyền, nghĩa vụ của cha đẻ, mẹ đẻ và con đã làm con nuôi của người khác được thực hiện theo quy định của Luật nuôi con nuôi.

- Quyền, nghĩa vụ giữa cha đẻ, mẹ đẻ và con đẻ được khôi phục kể từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi chấm dứt. Trong trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ không còn hoặc không có đủ điều kiện để nuôi con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì Tòa án giải quyết việc chấm dứt nuôi con nuôi và chỉ định người giám hộ cho con theo quy định của Bộ luật dân sự.

**24. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.

**25. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có những nghĩa vụ và quyền gì?**

**Trả lời:**

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

**26. Cha, mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên trong các trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Cha, mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên trong các trường hợp sau đây:

- Bị kết án về một trong các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con với lỗi cố ý hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con;

- Phá sản tài sản của con;

- Có lối sống đồi trụy;

- Xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

**27. Việc xác định cha, mẹ cho con được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Việc xác định cha, mẹ cho con dựa trên những căn cứ sau:

- Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng.

Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân.

Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng.

- Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định.

**28. Quyền nhận cha, mẹ của con được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Con có quyền nhận cha, mẹ của mình, kể cả trong trường hợp cha, mẹ đã chết.

Con đã thành niên nhận cha, không cần phải có sự đồng ý của mẹ; nhận mẹ, không cần phải có sự đồng ý của cha.

**29. Quyền nhận con của cha, mẹ được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Cha, mẹ có quyền nhận con, kể cả trong trường hợp con đã chết.

Trong trường hợp người đang có vợ, chồng mà nhận con thì việc nhận con không cần phải có sự đồng ý của người kia.

### ***30. Những cơ quan, tổ chức nào có thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con?***

#### ***Trả lời:***

Các cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con gồm:

- Cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền xác định cha, mẹ, con theo quy định của pháp luật về hộ tịch trong trường hợp không có tranh chấp.

- Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con trong trường hợp có tranh chấp hoặc người được yêu cầu xác định là cha, mẹ, con đã chết và trường hợp người có yêu cầu xác định cha, mẹ, con đã chết.

### ***31. Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa những thành viên nào trong gia đình?***

#### ***Trả lời:***

Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; giữa anh, chị, em với nhau; giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu; giữa cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột; giữa vợ và chồng. Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể

thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác.

Trong trường hợp người có nghĩa vụ nuôi dưỡng trốn tránh nghĩa vụ thì theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức, Tòa án buộc người đó phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

### ***32. Trường hợp một người cấp dưỡng cho nhiều người được quy định như thế nào?***

#### ***Trả lời:***

Trong trường hợp một người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho nhiều người thì người cấp dưỡng và những người được cấp dưỡng thỏa thuận với nhau về phương thức và mức cấp dưỡng phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của những người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

### ***33. Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con trong những trường hợp nào?***

#### ***Trả lời:***

Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con.

### ***34. Nghĩa vụ cấp dưỡng của con đối với cha, mẹ được thực hiện trong trường hợp nào?***

***Trả lời:***

Con đã thành niên không sống chung với cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cha, mẹ trong trường hợp cha, mẹ không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

***35. Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa anh, chị, em được thực hiện trong trường hợp nào?***

***Trả lời:***

Trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có khả năng lao động và không có tài sản để cấp dưỡng cho con thì anh, chị đã thành niên không sống chung với em có nghĩa vụ cấp dưỡng cho em chưa thành niên không có tài sản để tự nuôi mình hoặc em đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; em đã thành niên không sống chung với anh, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh, chị không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

***36. Mức cấp dưỡng được xác lập dựa trên căn cứ nào?***

***Trả lời:***

Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

***37. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt trong những trường hợp nào?***

***Trả lời:*** Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

Người được cấp dưỡng đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình;

Người được cấp dưỡng được nhận làm con nuôi;

Người cấp dưỡng đã trực tiếp nuôi dưỡng người được cấp dưỡng;

Người cấp dưỡng hoặc người được cấp dưỡng chết;

Bên được cấp dưỡng sau khi ly hôn đã kết hôn;

Trường hợp khác theo quy định của luật.

***38. Những cá nhân, tổ chức nào có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng?***

***Trả lời:***

Người được cấp dưỡng, cha, mẹ hoặc người giám hộ của người đó, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án buộc người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng phải thực hiện nghĩa vụ đó.

Cá nhân, cơ quan, tổ chức sau đây, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án

buộc người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng phải thực hiện nghĩa vụ đó:

- Người thân thích;
- Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình;
- Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em;
- Hội liên hiệp phụ nữ.

Cá nhân, cơ quan, tổ chức khác khi phát hiện hành vi trốn tránh thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng có quyền đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em và Hội liên hiệp phụ nữ yêu cầu Tòa án buộc người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng phải thực hiện nghĩa vụ đó.

**39. Quyền, lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được pháp luật bảo vệ như thế nào?**

**Trả lời:**

Ở nước ta, quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được tôn trọng và bảo vệ phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước ta là thành viên.

Trong quan hệ hôn nhân và gia đình với công dân Việt Nam, người nước ngoài tại Việt Nam có các quyền, nghĩa vụ như công dân Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam có quy định khác.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam ở nước ngoài trong quan hệ hôn nhân và gia đình phù hợp với pháp luật Việt Nam, pháp luật của nước sở tại, pháp luật và tập quán quốc tế.

**40. Việc áp dụng pháp luật đối với quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, trừ trường hợp Luật hôn nhân và gia đình có quy định khác.

Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Trong trường hợp Luật hôn nhân và gia đình, các văn bản pháp luật khác của Việt Nam có dẫn chiếu về việc áp dụng pháp luật nước ngoài thì pháp luật nước ngoài được áp dụng, nếu việc áp dụng đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình.

Trong trường hợp pháp luật nước ngoài dẫn chiếu trở lại pháp luật Việt Nam thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có dẫn chiếu về việc áp dụng pháp luật nước ngoài thì pháp luật nước ngoài được áp dụng.

**41. Thẩm quyền giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Thẩm quyền đăng ký hộ tịch liên quan đến các quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

Thẩm quyền giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài tại Tòa án được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam hủy việc kết hôn trái pháp luật, giải quyết việc ly hôn, các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, cha mẹ và con, về nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi và giám hộ giữa công dân Việt Nam cư trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng cùng cư trú ở khu vực biên giới với Việt Nam theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

**42. Việc kết hôn có yếu tố nước ngoài phải tuân thủ những điều kiện gì?**

**Trả lời:**

Trong việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, mỗi bên phải tuân theo pháp luật của nước mình về điều kiện kết hôn; nếu việc kết hôn được tiến hành tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam thì người nước ngoài còn phải tuân theo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình về điều kiện kết hôn.

Việc kết hôn giữa những người nước ngoài thường trú ở Việt Nam tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phải tuân theo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam về điều kiện kết hôn.

**43. Việc ly hôn có yếu tố nước ngoài được giải quyết theo quy định nào?**

**Trả lời:**

Việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, giữa người nước ngoài với nhau thường trú ở Việt Nam được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Trong trường hợp bên là công dân Việt Nam không thường trú ở Việt Nam vào thời điểm yêu cầu ly hôn thì việc ly hôn được giải quyết theo pháp luật của nước nơi thường trú chung của vợ chồng; nếu họ không có nơi thường trú chung thì giải quyết theo pháp luật Việt Nam.

Việc giải quyết tài sản là bất động sản ở nước ngoài khi ly hôn tuân theo pháp luật của nước nơi có bất động sản đó.

**44. Chúng tôi tổ chức đám cưới và sống chung đã được 2 năm nhưng chưa đăng ký kết hôn? Như vậy có vi phạm pháp luật không?**

**Trả lời:**

Theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đăng ký kết hôn được quy định như sau:

- Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định của pháp luật thì không có giá trị pháp lý.

- Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn.

Việc hai bạn tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, việc kết hôn của bạn trong trường hợp này không có giá trị pháp lý (không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng).

**45. Mặc dù chưa ly hôn với vợ nhưng anh B đã đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới với chị C. Theo yêu cầu của vợ anh B, Tòa án đã tuyên bố hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh B và chị C.**

**Xin hỏi, quan hệ giữa anh B và chị C được giải quyết như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khi bị hủy kết hôn trái pháp luật, anh B và chị C phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

Trong trường hợp anh B và chị C đã có con chung thì quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con được giải quyết theo quy định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con khi ly hôn.

Quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa anh B và chị C được giải quyết theo quy định sau:

- Quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của anh B và chị C được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên; trong trường hợp không có thỏa thuận thì giải quyết theo quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Việc giải quyết quan hệ tài sản phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con; công việc nội trợ và công việc khác có liên quan để duy trì đời sống chung được coi như lao động có thu nhập.

**46. Bố mẹ anh A cho riêng anh A ngôi nhà mà hiện nay là nơi ở duy nhất của vợ chồng anh A. Trong trường hợp này, khi anh A thực hiện các giao dịch liên quan đến ngôi nhà thì có phải thỏa thuận với vợ không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 31 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, trong trường hợp ngôi nhà là nơi ở duy nhất của vợ chồng anh A thì việc xác lập, thực hiện, chấm dứt các

giao dịch liên quan đến nhà phải có sự thỏa thuận của vợ chồng. Trường hợp nêu trên, nhà thuộc sở hữu riêng của anh A thì anh A có quyền xác lập, thực hiện, chấm dứt giao dịch liên quan đến nhà đó nhưng phải bảo đảm chỗ ở cho vợ và các con của mình.

**47. Vợ chồng tôi tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung nặng nề, căng thẳng. Cả hai chúng tôi cùng yêu cầu ly hôn. Xin hỏi, trong trường hợp này, Tòa án sẽ giải quyết như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, trong trường hợp vợ chồng bạn cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của người vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu vợ chồng bạn không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của người vợ và con thì Tòa án giải quyết việc ly hôn.

**48. Tại nơi tôi đang sinh sống, có trường hợp người vợ vì căm ghét chồng do bị chồng phản bội, mà đánh đập, ngược đãi con rất tàn nhẫn. Gia đình, hàng xóm đã nhiều lần khuyên can nhưng tình trạng trên vẫn tiếp diễn. Vậy xin hỏi, tôi là hàng xóm thì có quyền yêu**

**cầu Tòa án hạn chế quyền của người mẹ đối với con chưa thành niên hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khi có các biểu hiện cần hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên thì cha, mẹ, người giám hộ của con chưa thành niên; người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Cá nhân, cơ quan, tổ chức khác khi phát hiện cha, mẹ có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình (như phạm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con với lỗi cố ý; vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; phá tán tài sản của con; có lối sống đồi trụy; xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội) có quyền đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em và Hội liên hiệp phụ nữ yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Như vậy, trường hợp trên, với trách nhiệm của một công dân, bạn nên báo ngay chính quyền, đoàn thể cơ sở để can thiệp kịp thời, đồng thời bạn có quyền đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ địa phương yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của người mẹ đối với đứa trẻ đang bị bạo hành.

